

Past Continuous

The Past Continuous tense is an important tense in English. We use it to say what we were in the middle of doing at a particular moment in the past.



In this lesson we look at the **structure** and the **use** of the Past Continuous tense, followed by a **quiz** to check your understanding.

Note that **continuous** tenses are also called **progressive** tenses. So the Past Continuous tense is sometimes called the Past Progressive tense.

How do we make the Past Continuous tense?

The structure of the past continuous tense is:

subject	+	auxiliary <i>be</i>	+	main verb
		conjugated in Past Simple		
		was, were		present participle

The auxiliary verb (be) is conjugated in the Past Simple: *was, were*

The main verb is invariable in present participle form: *-ing*

For negative sentences we insert **not** between the auxiliary verb and the main verb.

For question sentences, we **exchange** the subject and the auxiliary verb.

Look at these example sentences with the Past Continuous tense:

	subject	auxiliary verb		main verb	
+	I	was		watching	TV.
+	You	were		working	hard.
-	He, she, it	was	not	helping	Mary.
-	We	were	not	joking.	
?	Were	you		being	silly?
?	Were	they		playing	football?

The [spelling rules for adding -ing](#) to make the Past Continuous tense are the same as for the Present Continuous tense.

How do we use the Past Continuous tense?

The Past Continuous tense expresses action at a **particular moment** in the past. The action started before that moment but has not finished at that moment. For example, yesterday I watched a film on TV. The film started at 7pm and finished at 9pm.

At 8pm yesterday, I was watching TV.		
past	present	future
8pm		
At 8pm, I was in the middle of watching TV.		

When we use the Past Continuous tense, our listener usually knows or understands what time we are talking about. Look at these examples:

- I **was working** at 10pm last night.
- They **were** not **playing** football at 9am this morning.
- What **were** you **doing** at 10pm last night?
- What **were** you **doing** when he arrived?
- She **was cooking** when I telephoned her.
- We **were having** dinner when it started to rain.
- Ram went home early because it **was snowing**.

Note that **some verbs cannot be used** in continuous/progressive tenses.

We often use the Past Continuous tense to "set the scene" in stories. We use it to describe the background situation at the moment when the action begins. Often, the story starts with the Past Continuous tense and then moves into the **Past Simple** tense. Here is an example:

"James Bond **was driving** through town. It **was raining**. The wind **was blowing** hard. Nobody **was walking** in the streets. Suddenly, Bond *saw* the killer in a telephone box..."

Past Continuous + Past Simple

We often use the Past Continuous tense with the Past Simple tense. We use the Past Continuous to express a **long** action. And we use the Past Simple to express a **short** action that happens **in the middle** of the long action. We can join the two ideas with **when** or **while**.

In the following example, we have two actions:

1. long action (watching TV), expressed with Past Continuous
2. short action (telephoned), expressed with Past Simple

past	present	future
<i>long action:</i> I was watching TV from 7pm to 9pm.		
8pm		
<i>short action:</i> You phoned at 8pm.		

We can join these two actions with **when**:

- I was watching TV **when** you telephoned.

Notice that "when you telephoned" is also a way of defining the time (8pm).

We use:

- **when + short action** (Past Simple)

- **while + long action** (Past Continuous)

There are four basic combinations:

	I was walking past the car	when	it exploded.
When	the car exploded		I was walking past it.
	The car exploded	while	I was walking past it.
While	I was walking past the car		it exploded.

Notice that the **long action** and **short action** are relative.

- "Watching TV" took two hours. "Telephoned" took a few seconds.
- "Walking past the car" took a few seconds. "Exploded" took milliseconds.

Quá khứ tiếp diễn

Thì Quá khứ tiếp diễn là một thì quan trọng trong tiếng Anh. Chúng tôi sử dụng nó để nói những gì chúng tôi đang làm dở dang tại một thời điểm cụ thể trong quá khứ.



Trong bài học này, chúng ta xem xét **cấu trúc** và cách **sử dụng** thì Quá khứ tiếp diễn, sau đó là một **bài kiểm tra** để kiểm tra sự hiểu biết của bạn.

Lưu ý rằng các thì **tiếp diễn** còn được gọi là các thì **tiếp diễn**. Vì vậy, thì Quá khứ tiếp diễn đôi khi được gọi là thì Quá khứ tiếp diễn.

Làm thế nào để chúng ta tạo thì Quá khứ tiếp diễn?

Cấu trúc của thì quá khứ tiếp diễn là:

môn học	+	phụ trợ	+	động từ chính
		liên hợp trong quá khứ đơn		
		đã, đã		phân từ hiện tại

Trợ động từ (be) được chia ở thì Quá khứ đơn: *was, were*

Động từ chính không thay đổi ở dạng hiện tại phân từ: *-ing*

Đối với câu phủ định, chúng ta chèn **not** vào giữa trợ động từ và động từ chính.

Đối với câu nghi vấn, chúng ta **hoán đổi** chủ ngữ và trợ động từ.

Nhìn vào những câu ví dụ này với thì Quá khứ tiếp diễn:

	môn học	trợ động từ		động từ chính	
+	Tôi	là		xem	TV.
+	Bạn	là		đang làm việc	cứng.
-	Anh ấy, cô ấy, nó	là	không phải	giúp đỡ	Ma-ri-a.
-	chúng tôi	là	không phải	nói đùa.	
?	Là	bạn		hiện tại	ngốc nghếch?
?	Là	họ		đang chơi	bóng đá?

Các **quy tắc chính tả khi thêm -ing** để tạo thì Quá khứ tiếp diễn cũng giống như đối với thì Hiện tại tiếp diễn.

Làm thế nào để chúng ta sử dụng thì Quá khứ tiếp diễn?

Thì Quá khứ tiếp diễn diễn tả hành động tại một **thời điểm cụ thể** trong quá khứ. Hành động bắt đầu trước thời điểm đó nhưng chưa kết thúc tại thời điểm đó. Ví dụ, hôm qua tôi đã xem một bộ phim trên TV. Bộ phim bắt đầu lúc 7 giờ tối và kết thúc lúc 9 giờ tối.

Lúc 8 giờ tối hôm qua, tôi đang xem TV.		
vừa qua	hiện nay	Tương lai
8 giờ tối		
Lúc 8 giờ tối, tôi đang xem TV dở dang.		

Khi chúng ta sử dụng thì Quá khứ tiếp diễn, người nghe của chúng ta thường biết hoặc hiểu chúng ta đang nói về thời gian nào. Hãy xem những ví dụ này:

- Tôi **đã làm việc** lúc 10 giờ đêm qua.
- Họ **không chơi** bóng đá lúc 9 giờ sáng nay.
- Bạn **đã làm gì** lúc 10 giờ đêm qua?
- Bạn **đã làm gì** khi anh ấy đến?
- Cô ấy **đang nấu ăn** khi tôi gọi điện thoại cho cô ấy.
- Chúng tôi **đang** ăn tối thì trời bắt đầu mưa.
- Ram về nhà sớm vì **trời đang có tuyết** .

Lưu ý rằng **một số động từ không thể được sử dụng** trong các thì tiếp diễn/tiếp diễn.

Chúng ta thường sử dụng thì Quá khứ tiếp diễn để "dựng bối cảnh" trong các câu chuyện. Chúng tôi sử dụng nó để mô tả tình huống nền tại thời điểm hành động bắt đầu. Thông thường, câu chuyện bắt đầu với thì Quá khứ Tiếp diễn và sau đó chuyển sang thì **Quá khứ Đơn** . Đây là một ví dụ:

"James Bond **đang lái xe** qua thị trấn. **Trời mưa** . Gió **thổi** mạnh. Không có ai **đi bộ** trên đường. Đột nhiên, Bond *nhìn thấy* kẻ giết người trong hộp điện thoại..."

Quá khứ tiếp diễn + Quá khứ đơn

Chúng ta thường sử dụng thì Quá khứ tiếp diễn với thì Quá khứ đơn. Chúng ta dùng Quá khứ tiếp diễn để diễn đạt một hành động **kéo dài** . Và chúng ta sử dụng Quá khứ đơn để diễn đạt một hành động **ngắn** xảy ra **ở giữa** một hành động dài. Chúng ta có thể nối hai ý tưởng với **when** hoặc **while** .

Trong ví dụ sau, chúng ta có hai hành động:

1. hành động dài (xem TV), thể hiện với Quá khứ tiếp diễn
2. hành động ngắn (điện thoại), diễn đạt bằng Quá khứ đơn

vừa qua	hiện nay	Tương lai
<i>hành động dài:</i> Tôi đã xem TV từ 7 giờ tối đến 9 giờ tối.		
8 giờ tối		

hành động ngắn: Bạn đã gọi điện lúc 8 giờ tối.		
---	--	--

Chúng ta có thể kết hợp hai hành động này với **when** :

- Tôi đang xem TV **khi** bạn gọi điện thoại.

Lưu ý rằng "khi bạn điện thoại" cũng là một cách xác định thời gian (8 giờ tối).

Chúng tôi sử dụng:

- **when** + hành động ngắn (Quá khứ đơn)
- **while** + hành động dài (Quá khứ tiếp diễn)

Có bốn kết hợp cơ bản:

	Tôi đã đi ngang qua chiếc xe	khi nào	nó phát nổ.
Khi nào	chiếc xe phát nổ		Tôi đã đi ngang qua nó.
	Chiếc xe phát nổ	trong khi	Tôi đã đi ngang qua nó.
Trong khi	Tôi đã đi ngang qua chiếc xe		nó phát nổ.

Lưu ý rằng **hành động dài** và hành động **ngắn** là tương đối.

- "Xem TV" mất hai giờ. "Điện thoại" mất vài giây.
- "Đi bộ qua xe" mất vài giây. "Bùng nổ" mất một phần nghìn giây.